

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. Bùi Khắc Hoài Phương *

Ngân hàng có vai trò là một trung gian tài chính, là kênh dẫn vốn cho nền kinh tế, do đó, hoạt động ngân hàng ảnh hưởng và định hướng phát triển kinh tế xét trên cả quy mô và hiệu suất. Lý do cho việc ngân hàng tích hợp phát triển bền vững trong hoạt động của mình một phần vì định hướng của các cơ quan quản lý, các tổ chức xã hội, yêu cầu của các tổ chức tài trợ vốn thường gắn kết với yếu tố môi trường và xã hội. Các cơ quan quản lý Nhà nước thường trực tiếp hoặc gián tiếp quy định về vấn đề quản lý các tác động đến môi trường và xã hội trong hoạt động ngân hàng. Mặt khác, hợp tác kinh tế thông qua tài trợ các dự án trên toàn cầu thường yêu cầu nghiêm ngặt về vấn đề quản lý rủi ro môi trường và xã hội. Phát triển bền vững còn có chiều hướng xuất phát bên trong ngân hàng, phát sinh thông qua nhu cầu thiết lập các mục tiêu cốt lõi và tạo nên giá trị thương hiệu của mình, gắn kết và cân bằng lợi ích của nhiều bên liên quan, tạo ra lợi thế thương mại, xây dựng cơ sở của người tiêu dùng và thị phần, thu hút các đối tác tài chính, từ đó tăng lợi nhuận trong ngắn hạn và dài hạn. Bài viết tổng hợp các điều kiện để phát triển bền vững ngân hàng thương mại (NHTM) và đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững NHTM Việt Nam.

1. Quan điểm về phát triển ngân hàng bền vững

Có nhiều quan điểm khác nhau về phát triển ngân hàng bền vững, trong đó có hai hướng tiếp cận chủ yếu: *Thứ nhất*, nhấn mạnh tác động bên ngoài của ngân hàng thông qua cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng, theo đó ngân hàng bền vững cung cấp các sản phẩm có xem xét

tác động đến môi trường và xã hội. *Thứ hai*, ngân hàng bền vững không chỉ đem lại lợi ích cho cổ đông mà còn cân bằng lợi ích của các bên liên quan khác như khách hàng, nhân viên, lãnh đạo ngân hàng, các cơ quan quản lý và mở rộng hơn, mang lại các giá trị cho cộng đồng.

Imeson và Sim (2013), ngân hàng bền vững được mô tả là “một hệ thống giá trị mà các hoạt động của ngân hàng



không chỉ có lợi cho nhân viên và cổ đông của mình, mà còn của khách hàng và rộng hơn là nền kinh tế, bên cạnh đó, hoạt động của ngân hàng ngăn chặn, hoặc ít nhất là giảm thiểu bất kỳ tác hại không đáng có đối với xã hội và môi trường tự nhiên”. Cách tiếp cận này nhấn mạnh ngân hàng đem lại lợi ích cho các bên liên quan không chỉ cổ đông và nhân viên của mình mà rộng hơn là cân bằng lợi ích của khách hàng nói riêng và nền kinh tế nói chung. Ngoài ra, ngân hàng ngăn chặn, hoặc ít nhất là giảm thiểu bất kỳ tác hại không đáng có đối với xã hội và môi trường tự nhiên.

Theo quan điểm của Jeucken (2001) định nghĩa ngân hàng bền vững là “một mô hình mà trong đó các hoạt động nội bộ nhằm quản lý hiệu quả các chi phí về môi trường và hoạt động bên ngoài như cho vay và

* Trường Đại học Quảng Bình

đầu tư tập trung vào các tiêu chuẩn đánh giá, khuyến khích sự bền vững giữa các khách hàng và các tổ chức khác trong xã hội”.

Rebai và cộng sự (2016) đề xuất định nghĩa ngân hàng bền vững là “*một ngân hàng đáng tin cậy xét trong cả hoạt động nội bộ và các bên liên quan bên ngoài của nó. Ngân hàng đảm bảo các hoạt động trung gian quan tâm đặc biệt đến khía cạnh xã hội và môi trường với tầm nhìn ngắn hạn, trung và dài hạn. Ngân hàng thiết lập các giá trị đạo đức, góp phần vào sự ổn định và lành mạnh của hệ thống tài chính, quản lý rủi ro đầy đủ cũng như tìm kiếm liên tục và tối ưu sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan*”.

Ngân hàng bền vững có những đặc trưng như sau: (1) Ngân hàng có năng lực tài chính lành mạnh, hiệu quả và bền vững. Điều này có nghĩa là khi có những rủi ro xảy ra do những tác động từ bên ngoài, ngân hàng bền vững có khả năng tự duy trì và phục hồi. Ngân hàng bền vững có các chiến lược trung, dài hạn nhằm duy trì năng lực tài chính đủ mạnh để có thể tự phục hồi khi xảy ra các tổn thất trong kinh doanh; (2) Ngân hàng bền vững có những chính sách khuyến khích, hỗ trợ các công ty, dự án đầu tư có trách nhiệm với môi trường và xã hội nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Ngân hàng có những giải pháp nhằm hướng dẫn và giám sát khách hàng thực hiện đánh giá tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu những tác động đến môi trường và xã hội; (3) Hoạt động của ngân hàng bền vững không chỉ đem lại lợi ích cho các cổ đông mà còn cho các bên liên quan khác như: khách hàng, cơ quan quản lý, nhân viên, nhà cung ứng và rộng hơn là đem lại lợi ích cho cả cộng đồng. Chiến lược phát triển bền vững của từng ngân hàng được xây dựng và thực hiện dựa theo quy mô, vị thế thị trường, giá trị cốt lõi của ngân hàng. Các chiến lược phát triển bền vững nhằm đáp ứng yêu cầu của ngân hàng và của cả cộng đồng trong khi cân nhắc các giá trị trong ngắn hạn và dài hạn.

2. Những điều kiện phát triển bền vững NHTM

Thứ nhất, năng lực tài chính ổn định và lành mạnh

Hoạt động của ngân hàng luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, do vậy, để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, trước tiên NHTM phải có năng lực tài chính ổn định và lành mạnh nhằm đảm bảo an toàn và khả năng tự phục hồi trong hoạt động ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng đến phát triển ổn định và hiệu quả. Ngân hàng cần đảm bảo mức độ an toàn vốn theo chuẩn mực quốc tế nhằm chống đỡ với những tổn thất khi có rủi ro, bảo vệ các bên liên quan như cổ đông, khách hàng, nhà

đầu tư. Bên cạnh đó, NHTM cần có nguồn vốn để cho vay các dự án thân thiện với môi trường, đầu tư vào các dự án năng lượng sạch, chống biến đổi khí hậu. Các dự án này cần phải có sự hỗ trợ của các ngân hàng trong việc tiếp cận nguồn lực tài chính vì mức đầu tư cao, thời hạn vay vốn thường trung và dài hạn,... nên NHTM phải có tiềm lực vốn để đầu tư vào tài chính bền vững.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội

Để thực hiện mô hình kinh doanh bền vững, ngân hàng phải xây dựng được hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội nhằm loại bỏ các dự án tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội. Hệ thống quản lý này không chỉ dừng lại ở khâu quyết định tín dụng mà còn tiếp tục giám sát khi dự án vay vốn vào khâu triển khai. Đối với các dự án được đánh giá và phân loại là có rủi ro cao, rủi ro tiềm ẩn về môi trường và xã hội, ngân hàng sẽ yêu cầu khách hàng thực hiện quản lý rủi ro môi trường và xã hội của dự án vay vốn nhằm đánh giá đầy đủ, chính xác các loại rủi ro và đưa ra các biện pháp hạn chế, giảm thiểu các rủi ro về vấn đề môi trường và xã hội. Đến khâu cuối cùng, khi hoàn thành các giao dịch về vốn và thống nhất các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường với khách hàng, ngân hàng tiếp tục hỗ trợ và giám sát khách hàng thực hiện các biện pháp đã thỏa thuận.

Việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội có nhiều ý nghĩa quan trọng. Ngân hàng sẽ tạo ra giá trị dài hạn cho khách hàng của mình khi ngân hàng đó quản lý hiệu quả các cơ hội và rủi ro về môi trường và xã hội. Một hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội hiệu quả có thể mở rộng phạm vi lợi ích và tạo ra lợi nhuận gián tiếp cho một ngân hàng bằng cách giảm chi phí và rủi ro, quản lý rủi ro, cải thiện chất lượng của danh mục đầu tư, làm giảm trách nhiệm bảo hiểm, yêu cầu bồi thường. NHTM tận dụng các cơ hội bằng cách giới thiệu, theo đuổi, áp dụng các giải pháp tài chính và các sản phẩm mới tạo ra lợi nhuận trực tiếp tại các thị trường mới.

Thứ ba, sự tham gia và ủng hộ của các bên liên quan NHTM

Để chuyển từ mô hình kinh doanh truyền thống đến phát triển bền vững, cần có sự tham gia, ủng hộ thực hiện của nhiều bên liên quan đến ngân hàng gồm: cổ đông, nhà điều hành, nhân viên, khách hàng, cơ quan quản lý,...

Các cổ đông và các nhà điều hành ngân hàng khi cam kết thực hiện theo mô hình bền vững cần phải xác lập và đánh giá hiệu quả thực hiện các mục tiêu dài hạn và ngắn hạn, tích hợp các mục tiêu và chiến lược bền vững vào thực tiễn hoạt động ngân hàng từ các khâu quyết định tín dụng, đầu tư, huy động vốn. Tham vấn ý kiến phản hồi của tổ chức



Những năm gần đây, các NHTM thực hiện cấp tín dụng theo hướng tăng trưởng xanh, quan tâm đến vấn đề môi trường và xã hội

đánh giá độc lập và các bên liên quan về mục tiêu, chương trình, thực tiễn hoạt động để từ đó điều chỉnh, cải tiến lộ trình và nguồn lực nhằm đạt hiệu quả cao. Chất lượng đội ngũ nhân viên ngân hàng có vai trò quan trọng trong việc thực thi những chiến lược phát triển bền vững. Do vậy, chất lượng nguồn nhân lực không những phải đáp ứng các hoạt động kinh doanh truyền thống, mà còn đòi hỏi nhân viên ngân hàng phải hiểu rõ về vấn đề môi trường và năng lực trong xét duyệt cho vay, có năng lực đánh giá được đầy đủ, chính xác những tác động đến môi trường và xã hội trong các hoạt động kinh doanh của khách hàng.

Một bên liên quan có tác động lớn đến ngân hàng đó

là khách hàng. Khi khách hàng doanh nghiệp hoạt động theo mô hình bền vững sẽ rất thuận lợi cho NHTM trong các khâu phân loại, đánh giá, thẩm định, giám sát khung rủi ro môi trường và xã hội của các dự án vay. Do đó, sẽ giảm các chi phí liên quan đến rủi ro môi trường và xã hội, dễ dàng trong các khâu quyết định tín dụng, giải ngân vốn và giám sát. Ngược lại, nếu khách hàng không có khung quản lý rủi ro môi trường và xã hội, NHTM cần nhiều chi phí hơn trong các khâu đánh giá rủi ro môi trường và xã hội, thẩm định và giám sát các rủi ro này của khách hàng. Ở nhiều nước phát triển, cơ quan quản lý đảm nhiệm việc phân loại các công ty thực thi tính bền vững, giúp



NHTM thuận lợi nhiều trong các quyết định tín dụng, giảm thiểu rủi ro môi trường và xã hội, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Các cơ quan quản lý có vai trò quan trọng trong việc hướng hệ thống NHTM thực thi kinh doanh bền vững, bao gồm các quy định bắt buộc về khung quản lý rủi ro môi trường và xã hội của quốc gia cho toàn hệ thống ngân hàng, các công ty. Có cơ chế giám sát, điều hành triển khai các chính sách môi trường và xã hội đồng bộ của các tổ chức, công khai các ngân hàng thực hiện tốt mô hình bền vững và có biện pháp xử lý nghiêm các ngân hàng không tuân thủ các quy định vấn đề môi trường và xã hội. Phát triển theo mô hình bền vững,

cần phải có sự tham gia và liên kết chặt chẽ giữa các bên liên quan của ngân hàng để thực thi chiến lược bền vững đạt hiệu quả.

Thứ tư, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về tính bền vững

Hiện nay, có nhiều tổ chức quốc tế cung cấp các nguyên tắc về tính bền vững của một tổ chức, trong đó các tiêu chuẩn về hiệu suất bền vững của Công ty Tài chính quốc tế (IFC) và các nguyên tắc xích đạo được xây dựng hướng chủ yếu vào các tổ chức tín dụng. Các tiêu chuẩn này bao gồm đánh giá và quản lý rủi ro môi trường và xã hội, trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, hành vi đạo đức, tôn trọng lợi ích của các bên liên quan, tôn trọng các quy định pháp luật, tôn trọng các chuẩn mực quốc tế... tuân thủ các tiêu chuẩn này giúp cho NHTM đánh giá và quản lý đầy đủ các rủi ro môi trường và xã hội, các vấn đề về lao động, đem lại lợi ích cho các bên liên quan của ngân hàng.

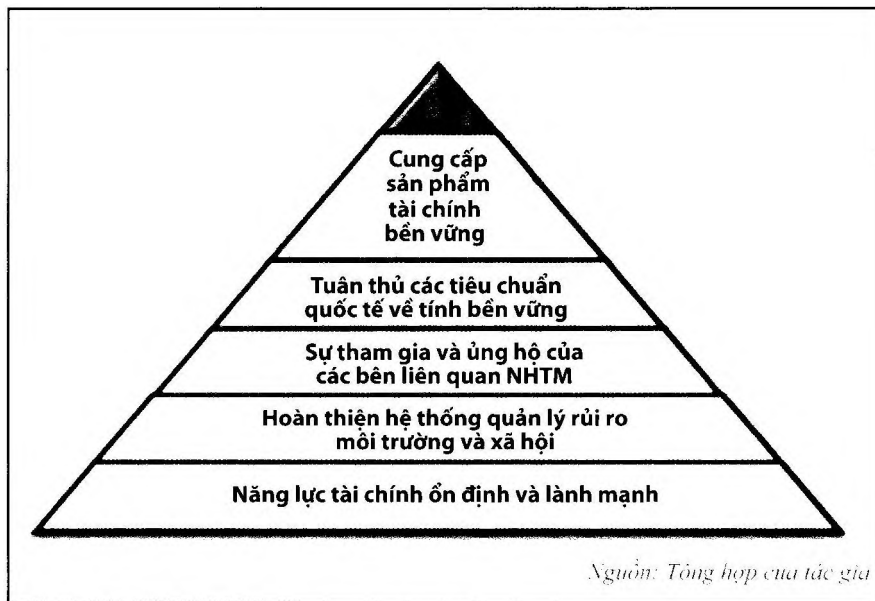
Thứ năm, đa dạng hóa các dịch vụ ngân hàng và cung cấp sản phẩm tài chính bền vững

Tính bền vững của sản phẩm có thể mang lại lợi ích kinh tế cho ngân hàng, gia tăng lợi ích cho khách hàng, đồng thời cung cấp các lợi ích cho môi trường và xã hội. Nghĩa là, các sản phẩm này đem lại lợi ích cho ngân hàng, khách hàng và rộng hơn là nâng cao giá trị

cho cộng đồng. Để cung cấp sản phẩm tài chính bền vững, cần rất nhiều sự nỗ lực, cam kết thực hiện của tất cả các bên liên quan của ngân hàng.

NHTM cần tiến hành nghiên cứu thị trường, phân tích mong muốn của từng phân khúc khách hàng nhằm xác định và phân loại nhu cầu về sản phẩm bền vững của họ, từ đó có những thiết kế các sản phẩm phù hợp với từng nhóm khách hàng. Đối với những khách hàng chưa nhận thức cao về vấn đề môi trường, các NHTM cần có những biện pháp kích thích nhu cầu của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ tài chính bền vững thông qua các chiến dịch tiếp thị, truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức của khách hàng. Các sản phẩm ngân hàng bền vững không những cấp tín dụng, hỗ trợ vốn cho các dự án xanh, tác động tích cực đến môi trường mà nó còn mở rộng sang các sản phẩm tiết kiệm, bảo hiểm, dịch vụ tư vấn về các vấn đề môi trường và xã hội, thành lập và vận hành các quỹ đầu tư xanh, huy động từ trái phiếu xanh... (Hình 1)

Tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về tính bền vững, cung cấp sản phẩm tài chính bền vững và thực hiện các sáng kiến về tính bền vững là những điều kiện cao nhất khi thực hiện mô hình bền vững. Ngân hàng tuân thủ các nguyên tắc tiêu chuẩn quốc tế, thực thi các sáng kiến về tính bền vững và gắn với văn hóa kinh doanh của ngân hàng



tạo thành thông lệ và cơ sở ra quyết định ở tất cả các cấp. Ngân hàng cung cấp các sản phẩm tài chính bền vững, nỗ lực không ngừng nhằm tạo ra và áp dụng những sáng kiến về tính bền vững trong thực tiễn kinh doanh, đem lại các lợi ích cho ngân hàng trong ngắn hạn, dài hạn vừa góp phần cải thiện môi trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

3. Thực trạng phát triển bền vững NHTM Việt Nam

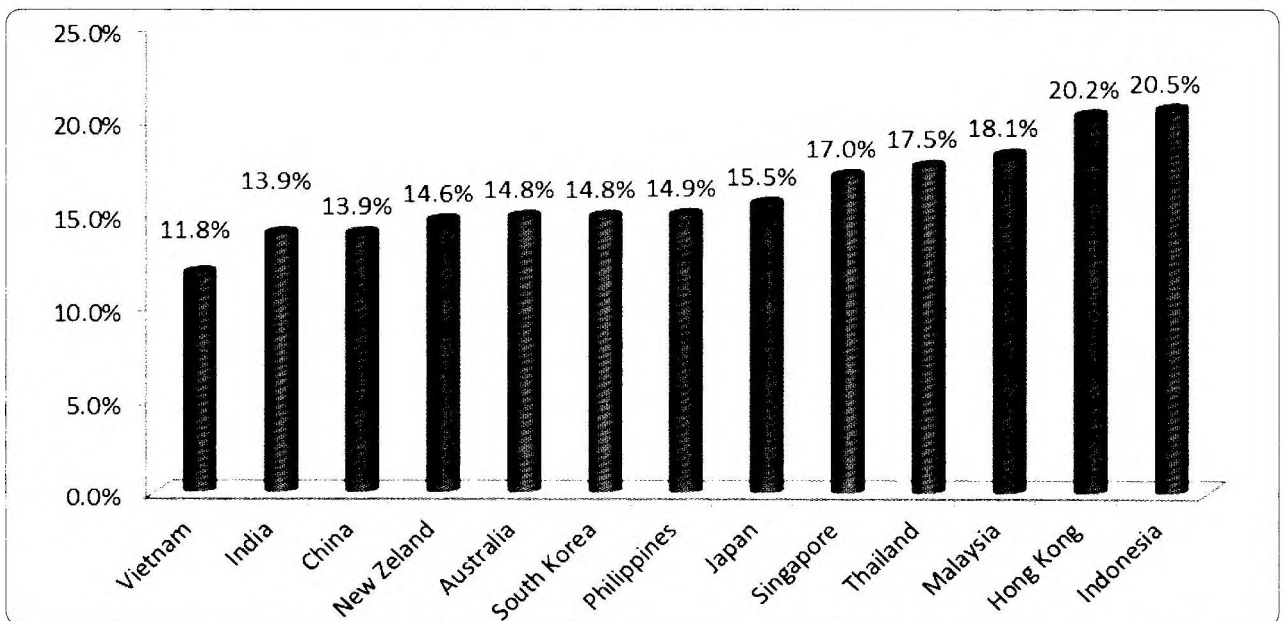
3.1. An toàn vốn

Đến cuối năm 2019, có 18 NHTM được Thống đốc NHNN quyết định cho áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước thời hạn, gồm: 16 NHTM trong

nước và 02 ngân hàng 100% vốn nước ngoài. Tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng này theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN đều đáp ứng yêu cầu trên 8%. Phần lớn các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài còn lại thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN từ ngày 01/01/2020. Bên cạnh đó, một số ngân hàng chưa áp dụng được Thông tư số 41/2016/TT-NHNN thì duy trì tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và đồng thời xây dựng kế hoạch để đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này chậm nhất đến đầu năm 2023.

Hai NHTM Nhà nước là VCB và BIDV đã đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II và có mức tăng trưởng vốn điều lệ cao trong năm 2020. Tính đến quý III/2020, vốn điều lệ của VCB đạt 37,1 nghìn tỷ đồng và

Hình 2: Tỷ lệ an toàn vốn - CAR của một số nước năm 2018



Nguồn: Asian Banker Research

BIDV đạt 40,22 nghìn tỷ đồng. BIDV phát hành riêng lẻ cho KEB Hana Bank hơn 603,3 triệu cổ phần với tổng giá trị giao dịch gần 20.300 tỷ đồng, sau khi phát hành cổ phần cho KEB Hana Bank, vốn điều lệ của BIDV tăng từ 34.187 tỷ đồng lên 40.220 tỷ đồng, cao nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế của VCB và BIDV trong năm 2019 lần lượt là 23.122 tỷ đồng (tăng 26,6%) và 10.732 tỷ đồng (tăng 14,3%), lợi nhuận trước thuế tính đến quý III/2020 của BIDV đạt gần 7.062 tỷ đồng, tăng 0,48%, VCB đạt 4.983 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận trước thuế của VCB quý III/2020 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái một phần là do ngân hàng tăng số tiền dự phòng rủi ro cho khách hàng, quý III/2019 là 10.417 tỷ đồng, đến quý III/2020 số tiền này lên đến 16.963 tỷ đồng, tăng hơn 62,8%. Các NHTM cổ phần như VIB, TPBank, VPBank và MSB đã hoàn thành 3 trụ cột của Basel II.

So với các nước trong khu vực, vốn hóa thị trường của các ngân hàng Việt Nam đang ở mức thấp, các NHTM Nhà nước khó huy động vốn của cổ đông chiến lược nước ngoài do quy định về tỷ lệ sở hữu của Nhà nước. Các NHTM cổ phần khó tăng vốn do thị trường tài chính trong nước chưa phát triển mạnh. Theo số liệu công bố của Asian Banker Research,

Trong vài năm gần đây, nhiều NHTM đã và đang thực hiện triển khai cấp tín dụng theo hướng tăng trưởng xanh, quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường xã hội, ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực: nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng mặt trời và các dự án sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hoạt động kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường và xã hội.

năm 2018, CAR của các ngân hàng Việt Nam đạt 12%, thấp hơn các nước trong khu vực Singapore (17%), Malaysia (18%), Indonesia (21%), (Hình 2). Hiện nay, có nhiều quốc gia đã ban hành quy định và lộ trình để thực hiện theo Basel III, các ngân hàng lớn trên thế giới đã hoàn thành yêu cầu về an toàn vốn. Ủy ban Basel đã công bố báo cáo về kết quả điều tra quá trình thực hiện Basel III đến 31/12/2017 của 206 ngân hàng lớn trên thế giới, kết quả, tất cả các ngân hàng đều đáp ứng yêu cầu

vốn tối thiểu cổ phần thường (CET1) là 4,5% và mức mục tiêu CET1 là 7,0%. Các nước ở khu vực Đông Nam Á như Philippines, Singapore, Malaysia đã xây dựng chính sách và lộ trình theo Basel III.

3.2. Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội

Hầu hết các tổ chức tài chính chưa có chính sách và quy trình hay hệ thống chính thức để quản lý các rủi ro về môi trường - xã hội của khách hàng. Nhiều ngân hàng xem xét vấn đề môi trường và xã hội vào các hoạt động kinh doanh và lồng ghép vào quá trình quản lý rủi ro chung của ngân hàng, chỉ một số ít ngân hàng có hệ thống đánh giá rủi ro môi trường và xã hội. Chưa nhiều ngân hàng yêu cầu khách hàng của mình cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về tính bền vững trong khung chính sách quản lý và vận hành kinh doanh. Nguồn vốn của ngân hàng đầu tư cho hệ thống quản lý rủi ro môi trường và vận hành kinh doanh bền vững còn hạn chế, đa số các nguồn vốn huy động cho tài chính bền vững được hình thành thông qua liên kết quốc tế. Các sản phẩm tài chính bền vững của ngân hàng tập trung chủ yếu vào ngành năng lượng xanh; một số lĩnh vực khác chưa được chú trọng và đầu tư nhiều như biến đổi khí hậu, trụ sở xanh, kiểm soát biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học...

Trong vài năm gần đây, nhiều NHTM đã và đang thực hiện triển khai cấp tín dụng theo

hướng tăng trưởng xanh, quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường xã hội, ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực: nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng mặt trời và các dự án sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hoạt động kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường và xã hội.

Thực tế triển khai hệ thống đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của hầu hết các ngân hàng chỉ dừng lại ở việc lồng ghép các yêu cầu về những dự án đã được phê duyệt đánh giá tác động đến môi trường, các dự án đã được quy hoạch, một số kiểm tra thêm công nghệ xử thải và kế hoạch di dân, nhiều ngân hàng chưa có những đánh giá độc lập của cán bộ tín dụng về những rủi ro tác động đến môi trường và xã hội. Bên cạnh đó, báo cáo phát triển bền vững của các NHTM cho thấy chưa có các tác động môi trường tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể đối với chuỗi cung ứng sản phẩm của ngân hàng, cũng không có các khiếu nại về các tác động đến môi trường, chưa có trường hợp vay vốn nào bị đóng cửa do các vấn đề về môi trường của dự án. Thực tiễn này cho thấy, hệ thống NHTM chưa có chính sách quản lý môi trường hoàn thiện, nhiều ngân hàng chưa có hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong đánh giá, phân loại các dự án về rủi ro về môi trường và xã hội, bao

gồm cả những rủi ro tiềm ẩn nhằm đánh giá đầy đủ và chính xác về rủi ro môi trường và xã hội của khách hàng vay vốn.

Để hướng đến phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh với các nước trong khu vực, các NHTM Việt Nam cần phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá các tác động đến môi trường và xã hội, nâng cao nhận thức và năng lực đánh giá rủi ro về môi trường, xã hội của dự án vay vốn, xây dựng bộ tiêu chuẩn về môi trường cho từng lĩnh vực, từng ngành khác nhau, có những giải pháp khuyến khích và hỗ trợ khách hàng đầu tư vào các lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, các dự án xanh...

3.3. Sự tham gia của các bên liên quan

Khách hàng là bên liên quan quan trọng của ngân hàng, khi khách hàng hoạt động theo mô hình bền vững, sẽ thuận lợi hơn rất nhiều cho ngân hàng trong khâu quyết định tín dụng và giám sát hoạt động của khách hàng. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực tài chính còn hạn chế, do vậy nhiều khách hàng doanh nghiệp chưa có khung quản lý rủi ro môi trường và xã hội, chi phí để áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và xã hội thường khá cao. Do đó, khách hàng là các chủ đầu tư dự án thường tìm cách cắt giảm và hạn chế chi phí này trong triển khai dự

án kinh doanh. Trong khi đó, hoạt động truyền thông, kiểm tra, đánh giá tác động của các cơ quan chuyên môn, sự quản lý về môi trường và xã hội cũng như các chế tài xử phạt... còn nhiều hạn chế. Đây là kẽ hở khiến việc tuân thủ đánh giá về môi trường và xã hội chưa thực sự được quan tâm. Các doanh nghiệp muốn tiếp cận vốn vay từ các ngân hàng đối với những dự án có nhạy cảm về yếu tố môi trường và xã hội cũng sẽ phải chấp nhận chi phí vốn cơ bản và chi phí hoạt động tăng cao do phải áp dụng các giải pháp để hạn chế tác động đến môi trường và xã hội, do vậy sẽ làm giảm khả năng sinh lời của dự án, trong khi cơ chế hỗ trợ các dự án thực hiện giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội chưa được thực hiện rộng rãi mà chủ yếu thông qua các quỹ trong chương trình hợp tác, tài trợ của chính phủ các nước phát triển cho Việt Nam.

Một trong những rào cản phát triển theo mô hình bền vững của các NHTM Việt Nam là thiếu khung pháp lý được thiết kế đồng bộ bao gồm khung chính sách về môi trường và xã hội quốc gia cho tổ chức tài chính, các công ty là khách hàng và cũng là nhà cung ứng của các tổ chức tài chính; các chính sách hỗ trợ của các cơ quan quản lý về tăng cường truyền thông, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn đối với các dự án xanh; các sáng kiến về tính bền vững...

Thiếu sự tham gia và liên kết chặt chẽ giữa các bên liên quan đang là một trong những rào cản lớn khi chuyển sang kinh doanh theo mô hình bền vững tại các NHTM Việt Nam.

4. Giải pháp phát triển bền vững NHTM tại Việt Nam

4.1. Nâng cao tiềm lực vốn

Để tăng nguồn vốn chủ sở hữu, các NHTM cần có biện pháp trong ngắn hạn, trung và dài hạn, bao gồm: tăng vốn bằng lợi nhuận giữ lại, nguồn từ các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phiếu, tăng vốn góp từ các cổ đông chiến lược, phát hành chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn dài, phát hành trái phiếu chuyển đổi có thể chuyển thành vốn góp, huy động thêm các đối tác chiến lược, phát hành các chứng khoán trên thị trường tài chính quốc tế...

Việc duy trì nguồn vốn chủ sở hữu đủ lớn nhằm giúp ngân hàng phát triển hoạt động kinh doanh như mở thêm các chi nhánh, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, cung cấp, góp vốn liên doanh, liên kết, mở các công ty con... Mặt khác, tăng vốn chủ sở hữu của các ngân hàng còn có ý nghĩa đảm bảo khả năng chống đỡ các tổn thất khi gặp rủi ro, góp phần bảo vệ khách hàng và các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, để hướng đến phát triển bền vững, các NHTM cần có nguồn vốn đủ lớn nhằm tài trợ cho các dự án xanh như năng lượng tái tạo, công nghệ sạch, các dự án

chống biến đổi khí hậu, công nghệ sinh học...

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro nhằm giảm chi phí về dự phòng rủi ro. Dự phòng rủi ro là khoản chi phí khá lớn trong hoạt động của ngân hàng, do vậy, cần nâng cao năng lực quản lý rủi ro nhằm giảm chi phí.

Thứ hai, nâng cao khả năng liên kết với các nhà đầu tư lớn bằng cách bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài vì các nhà đầu tư này có tiềm lực vốn lớn và năng lực quản trị tốt. Việc tham gia liên kết với nhà đầu tư chiến lược nước ngoài giúp các ngân hàng trong nước nâng cao năng lực quản trị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển ngân hàng bán lẻ, đa dạng hóa danh mục tài sản.

Thứ ba, tăng vốn chủ sở hữu bằng cách phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi trung và dài hạn cho các nhà đầu tư. Để thực hiện thành công giải pháp tăng vốn này, các NHTM cần phải tính toán mức lãi suất phù hợp nhằm vừa thu hút được các nhà đầu tư, vừa cạnh tranh với các công ty tài chính.

Thứ tư, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm gia tăng tiện ích cho khách hàng và tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ, giảm dần phụ thuộc vào hoạt động tín dụng.

Thứ năm, tăng vốn chủ sở hữu thông qua phân chia cổ tức bằng cổ phiếu hay phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông từ thặng dư vốn và lợi nhuận giữ

lại sẽ gia tăng vốn tự có cho ngân hàng. Mặc dù, việc phân chia cổ tức bằng tiền mặt ít đi, hoặc giữ lại toàn bộ lợi nhuận thông qua phân chia bằng cổ tức sẽ có nhiều cổ đông không hài lòng. Tuy nhiên, để tăng năng lực tài chính, nâng cao khả năng cạnh tranh, việc cấp bách là ngân hàng phải tăng năng lực về vốn.

Thứ sáu, kêu gọi thêm vốn từ các cổ đông hiện hữu nhằm bảo toàn cơ cấu cổ đông của ngân hàng. Tuy nhiên, không phải tất cả các ngân hàng đều thực hiện được giải pháp này. Các ngân hàng hoạt động hiệu quả, lợi nhuận cao thì cổ đông hiện hữu sẽ có khả năng bỏ thêm vốn vào ngân hàng, còn các ngân hàng hiệu quả thấp sẽ khó thực hiện giải pháp này.

Riêng đối với NHTM Nhà nước, Chính phủ nên bơm thêm vốn cho ngân hàng nhằm tăng tiềm lực tài chính và đạt mục tiêu có một số NHTM Nhà nước có quy mô ngang tầm khu vực. Trong thời gian tới, nên giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước bằng cách bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài có tiềm lực vốn lớn và hoạt động hiệu quả.

4.2. Hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội

Một số NHTM đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội, cam kết không cho vay đối với các dự án gây nguy hại đến môi trường. Trong thời gian tới, cần hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội,

có hệ thống đánh giá tác động và phân loại các rủi ro về môi trường và xã hội, có những biện pháp hỗ trợ khách hàng giảm thiểu rủi ro về môi trường và xã hội và có hệ thống giám sát việc thực thi các biện pháp này của khách hàng. Nếu vi phạm các nguyên tắc và quy định về quản lý rủi ro môi trường và xã hội, không xét duyệt cho vay hoặc dừng cấp vốn cho các dự án đang triển khai. Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn chấm điểm môi trường, xã hội và quản trị công ty (ESG) nhằm đầu tư tài chính cho các công ty có chính sách quản lý và thực thi tốt các hoạt động ESG và hỗ trợ tài chính cho mục tiêu phát triển bền vững.

Các ngân hàng chưa có hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội cần triển khai các chính sách quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong nội bộ và tiến tới xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội để đánh giá tác động môi trường và xã hội của khách hàng vay vốn.

4.3. Cân bằng lợi ích và sự tham gia của các bên liên quan

Đối với cơ quan quản lý

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo việc thực thi các cam kết của Việt Nam khi tham gia hội nhập, tạo môi trường cạnh tranh, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi và minh bạch của hệ thống tài chính. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho xử lý nợ xấu, tiếp tục hoàn thiện thị trường

mua bán nợ, huy động được sự tham gia đông đảo của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài nhằm nhanh chóng xử lý tận gốc nợ xấu cho hệ thống ngân hàng.

Thứ hai, xây dựng khung pháp lý về môi trường và xã hội của quốc gia và thực thi quyết liệt các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Có các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy hệ thống NHTM thực hiện phát triển bền vững, từ đó lan tỏa ra các ngành khác của nền kinh tế. Khuyến khích các tổ chức tài chính cấp tín dụng vào các dự án thân thiện với môi trường, năng lượng tái tạo, góp phần phân bổ vốn đầu tư theo hướng bền vững. Có các biện pháp nhằm hỗ trợ tiếp cận tài chính cho các doanh nghiệp có chính sách môi trường phù hợp với chính sách quốc gia, góp phần nâng cao nhận thức về vấn đề môi trường cho toàn xã hội. Xây dựng lộ trình và chính sách thực hiện ngân hàng bền vững, bao gồm các nguyên tắc và chuẩn mực chung cho phát triển bền vững hệ thống NHTM, các chính sách quản lý rủi ro môi trường và xã hội đồng bộ, nhất quán trong toàn hệ thống, tiến tới yêu cầu NHTM kết hợp chặt chẽ vấn đề môi trường như một phần của phương pháp rủi ro tín dụng để đánh giá khách hàng vay. Song song với xây dựng chính sách, NHNN xây dựng cơ chế giám sát, điều hành thực hiện đồng bộ hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội và công khai thông tin, có biện pháp xử lý

ngghiêm đối với ngân hàng không tuân thủ hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội nhằm nâng cao hiệu quả trong việc quản lý và thực thi chính sách. Quy định các NHTM xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội nhằm đánh giá, giám sát các dự án trong suốt quá trình cho vay. Lập khung chính sách cho các lĩnh vực cụ thể để tạo khung đánh giá môi trường cho các lĩnh vực nhạy cảm như nông nghiệp, luyện kim, cơ khí, sản xuất xi măng, kim loại cơ bản và hóa chất, các ngành sản xuất và dịch vụ.

Thứ ba, xây dựng khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển của mô hình ngân hàng bền vững điển hình. Khuôn khổ này bao gồm:

- Tiềm lực vốn cho ngân hàng bền vững, đây là một trong những yêu cầu quan trọng giúp ngân hàng có đủ năng lực đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường thường phải có vốn lớn, thời hạn đầu tư dài, lãi suất hấp dẫn.

- Xây dựng các tiêu chuẩn và nguyên tắc nhằm thực hiện phát triển ngân hàng bền vững như: nguyên tắc về nhân quyền, về môi trường, phòng chống tham nhũng, vấn đề về lao động...

- Có những giải pháp thúc đẩy thị trường vốn phát triển, đặc biệt lồng ghép các yếu tố bền vững vào vốn cổ phần, chẳng hạn như các loại trái phiếu xanh, nhằm huy động vốn vào các lĩnh vực đầu tư bền vững.

Đối với NHTM

Hoàn thiện và thực thi hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong toàn bộ hoạt động của ngân hàng, kết hợp đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong quản lý khách hàng; khởi tạo vấn đề môi trường trong hoạt động ngân hàng, xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong xét duyệt các dự án vay vốn. Xây dựng hợp đồng tín dụng có các điều khoản ràng buộc trách nhiệm và nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và xã hội. Có các giải pháp hỗ trợ khách hàng thực thi các quy định về môi trường. NHTM xây dựng chiến lược phát triển theo mô hình ngân hàng bền vững tiến tới cung cấp sản phẩm tài chính bền vững toàn diện tạo ra lợi nhuận mới, thị trường mới và khách hàng mới.

Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân viên ngân hàng. Đặc biệt là các vấn đề về quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong xét duyệt cho vay. Tạo niềm tin, uy tín và thương hiệu của ngân hàng với khách hàng, các nhà đầu tư. Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả quản lý rủi ro môi trường và xã hội, báo cáo cho cổ đông và các bên liên quan của ngân hàng.

Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng nhằm nâng cao và phát triển giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, tạo nhiều tiện ích và thuận lợi, chú trọng an toàn thông tin cho khách

hàng khi thực hiện giao dịch.

Đối với các doanh nghiệp vay vốn

Các hoạt động nội bộ của ngân hàng tác động đến môi trường và xã hội là không đáng kể, tuy nhiên hoạt động của các doanh nghiệp vay vốn lại có tác động với kích thước lớn đến môi trường và xã hội. Do vậy, nếu các doanh nghiệp vay vốn có khung quản lý rủi ro môi trường và xã hội sẽ thuận lợi cho ngân hàng trong các khâu quyết định tín dụng, giải ngân và giám sát rủi ro môi trường và xã hội.

Trong thời gian tới, cần có các giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện mục tiêu kiếm tìm lợi nhuận gắn liền với việc gia tăng lợi ích cho cộng đồng. Để thực hiện tốt mục tiêu này: *Thứ nhất*, xây dựng khung chính sách quản lý rủi ro môi trường của quốc gia đồng bộ cho hệ thống ngân hàng và cho các doanh nghiệp, các biện pháp khuyến khích và thúc đẩy các NHTM, doanh nghiệp quản lý tốt vấn đề môi trường và xã hội trong hoạt động. Có hệ thống các tiêu chí đánh giá tính bền vững của ngân hàng và doanh nghiệp, cơ chế giám sát việc thực hiện và các biện pháp xử lý khi các tổ chức không tuân thủ hoặc vi phạm khung chính sách về quản lý môi trường.

Thứ hai, các biện pháp truyền thông, cung cấp, cập nhật thông tin về môi trường của các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, tổ chức hội thảo, hội nghị và nâng cao nhận thức, năng lực của các NHTM và các doanh

nh nghiệp nhằm thúc đẩy mô hình kinh doanh bền vững.

Thứ ba, doanh nghiệp cần phải có chính sách môi trường phù hợp với quy định của Việt Nam và không vi phạm các quy định về vấn đề môi trường và xã hội của quốc tế. Các doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý rủi ro về môi trường và xã hội bao gồm: công bố thông tin về kế hoạch quản lý môi trường, giám sát và báo cáo đánh giá tác động đến môi trường và xã hội trong hoạt động. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Asian Banker Research (2019), <https://www.theasianbanker.com/updates-and-articles/stronger-headwinds-ahead>, truy cập ngày 16/11/2020.
2. Ngân hàng Nhà nước (2016), Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Ngân hàng Nhà nước (2017), Thông tư số 19/2017/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
4. Ngân hàng Nhà nước (2019), Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
5. Báo cáo thường niên của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2012 - 2019.
6. Imeson, M. and Sim, A. (2013) Sustainable Banking: Why helping communities and saving the planet is good for business, SAS Institute Inc. World Headquarters, Retrieved from http://www.sas.com/resources/whitepaper/wp_24356.pdf.
7. Rebai, S., Azaiez, M. N., & Saidane, D. (2016). A multi-attribute utility model for generating a sustainability index in the banking sector. *Journal of Cleaner Production*.
8. Jeucken, M. (2001), *Sustainable Finance and Banking The Financial Sector and the Future of the Planet*. Routledge.